TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÀU BÀNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 22-9-2017
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Kim XuY.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trương Thị Tất;

Ông Nguyễn Tuấn Tú.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Công Tạo - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 216/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2017 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2017/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Bá T, sinh năm 1988; địa chỉ: tổ 6, ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Hà Thị Y, sinh năm 1992; địa chỉ: tổ 6, ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 7 năm 2017 và quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Bá T trình bày:

Về hôn nhân: anh T đăng ký kết hôn với chị Hà Thị Y tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương ngày 20 tháng 01 năm 2014 (Giấy chứng nhận kết hôn số 08). Đến đầu năm 2017, anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên xung đột và không còn yêu thương tôn trọng nhau; anh T còn cho rằng chị Y ngoại tình. Anh T và chị Y đã không sống chung từ tháng 6 năm 2017 đến nay, chị Y về nhà cha mẹ (cùng ấp 1, xã T; cạnh nhà anh T)

để ở. Nay anh T xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị Y không còn nên anh T yêu cầu ly hôn với chị Y.

Về nuôi con chung: vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Huyền T1, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2008 và cháu Nguyễn Thị Huyền T2, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2012. Hiện nay hai con chung đang ở với anh T; chị Y có qua thăm nom, chăm sóc hai con chung trong thời gian anh chị không sống chung đến nay. Anh T hiện đang kinh doanh quán ăn tại ấp 2, xã T (đối diện nhà anh T), sau khi đã trừ chi phí thì thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra, anh T còn mở hai lớp dạy võ VOVINAM (mượn sân tập của trường học ở xã H), thu nhập khoảng 14.000.000 đồng/tháng (mỗi lớp là 7.000.000 đồng/tháng). Tổng thu nhập của anh T khoảng 21.000.000 đồng/tháng.

Theo Đơn khởi kiện ngày 18 tháng 7 năm 2017, anh T yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu chị Y cấp dưỡng. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 02 tháng 8 năm 2017, anh chị đã thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ các vấn đề có tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành; theo đó, chị Y đồng ý giao hai con chung cho anh T trực tiếp nuôi, anh T không yêu cầu chị Y cấp dưỡng, anh chị không tranh chấp về chia tài sản chung và nợ chung. Ngày 07 tháng 8 năm 2017, chị Y có văn bản thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận trên, không đồng ý giao hai con chung cho anh T trực tiếp nuôi.

Nay, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu chị Y cấp dưỡng.

Về chia tài sản và nợ chung: anh T không yêu cầu tranh chấp.

Tại Bản tự khai đề ngày 02 tháng 8 năm 2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn chị Hà Thị Y trình bày:

Về hôn nhân: chị Y thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như anh T trình bày là đúng. Đầu năm 2017, vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên xung đột và không còn yêu thương tôn trọng nhau; anh T ghen tuông vô cớ và đuổi chị Y về nhà cha mẹ ruột nên anh chị đã không sống chung từ tháng 6 năm 2017 đến nay. Anh T yêu cầu ly hôn, chị Y đồng ý.

Về nuôi con chung: vợ chồng chị có hai con chung là cháu T1 và cháu T2 như lời anh T trình bày. Hiện nay hai cháu đang ở với anh T; chị Y thường xuyên qua thăm nom, chăm sóc hai con chung trong thời gian anh chị không sống chung đến nay. Chị Y hiện làm công nhân tại Đội 11, Nông trường Cao su T thuộc Công ty Cổ phần Cao su P, thu nhập mỗi tháng khoảng 5.000.000 đồng.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 02 tháng 8 năm 2017, chị Y và anh T đã tự nguyện ly hôn và chị Y đồng ý giao hai con chung cho anh T trực tiếp nuôi, anh T không yêu cầu chị Y cấp dưỡng. Tuy nhiên đến ngày 07 tháng 8 năm 2017, chị Y có văn bản thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận trên, không đồng ý giao hai con chung cho anh T trực tiếp nuôi vì anh T không làm tròn trách nhiệm, không chăm lo đầy đủ cho hai con chung và có

hành vi cản trở hai con sang nhà ngoại chơi, chị Y cũng yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Tại phiên tòa, chị Y đồng ý giao cháu T1 cho anh T trực tiếp nuôi; chị Y yêu cầu được nuôi cháu T2 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về chia tài sản và nợ chung: chị Y không yêu cầu tranh chấp.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: việc thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa giữa anh T và chị Y là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề Hội đồng xét xử công nhận trong bản án;

- Về nuôi con chung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh T, giao cháu T1 cho anh T trực tiếp nuôi và giao cháu T2 cho chị Y trực tiếp nuôi; anh T và chị Y không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét;

- Về chia tài sản và nợ chung: anh T và chị Y không yêu cầu tranh chấp nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng nhận định:

[1] Về hôn nhân: hôn nhân của anh T và chị Y là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên xung đột, không có sự tin tưởng, yêu thương tôn trọng lẫn nhau dẫn đến anh T và chị Y không sống chung từ tháng 6 năm 2017 đến nay. Theo Biên bản xác minh ngày 28 tháng 7 năm 2017 do Tòa án lập (bút lục số 20), anh T và chị Y không còn sống chung với nhau là đúng. Việc anh T và chị Y là vợ chồng nhưng không tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau là vi phạm Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay, anh T không muốn tiếp tục chung sống với chị Y nên anh T khởi kiện yêu cầu ly hôn chị Y theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, hôn nhân của anh T và chị Y đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trước khi mở phiên tòa, anh T và chị Y thuận tình ly hôn với nhau; xét việc thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa giữa anh T và chị Y là hoàn toàn tự nguyện và không vi

phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử công nhận trong bản án.

[2] Về nuôi con chung: anh T và chị Y có hai con chung đều là nữ là cháu T1 và cháu T2; hai con chung đang ở với anh T. Anh T yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu chị Y cấp dưỡng. Chị Y chỉ đồng ý giao cháu T1 cho anh T trực tiếp nuôi; chị Y yêu cầu được nuôi cháu T2 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Xét thấy, anh T và chị Y đều có nghề nghiệp, thu nhập ổn định; cháu T1 đã hơn 09 tuổi có nguyện vọng ở với anh T (bút lục số 25) và tại phiên tòa chị Y cũng đồng ý giao cháu T1 cho anh T trực tiếp nuôi; cháu T2 thì còn nhỏ, mới chỉ được hơn 05 tuổi. Vì vậy, việc anh T yêu cầu nuôi cả hai con chung là không phù hợp; căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của cháu T1 và cháu T2, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu tranh chấp về nuôi con của anh T, theo đó chị Y có trách nhiệm giao cháu T1 cho anh T trực tiếp nuôi, anh T có trách nhiệm giao cháu T2 cho chị Y trực tiếp nuôi là phù hợp theo quy định khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh T và chị Y không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T và chị Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và giải quyết về cấp dưỡng khi có yêu cầu theo quy định tại Điều 84, Điều 107 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản và nợ chung: anh T và chị Y không yêu cầu tranh chấp nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[6] Về án phí: anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 84, Điều 107, Điều 119 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Bá T.

- Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Bá T và chị Hà Thị Y.

- Về nuôi con chung:

Chị Hà Thị Y có trách nhiệm giao cháu Nguyễn Thị Huyền T1, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2008 cho anh Nguyễn Bá T trực tiếp nuôi; anh Nguyễn Bá T không yêu cầu chị Hà Thị Y cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Bá T có trách nhiệm giao cháu Nguyễn Thị Huyền T2, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2012 cho chị Hà Thị Y trực tiếp nuôi; chị Hà Thị Y không yêu cầu anh Nguyễn Bá T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Bá T và chị Hà Thị Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và giải quyết về cấp dưỡng khi có yêu cầu.

- Về chia tài sản và nợ chung: Anh Nguyễn Bá T và chị Hà Thị Y không yêu cầu tranh chấp nên không giải quyết.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Bá T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2016/0002523 ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương. Anh Nguyễn Bá T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án DS huyện B;
- UBND xã T, huyện B;
- Đương sự;
- Cổng Thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Kim XuY